

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2026

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hữu Thanh

Ông Bùi Thị Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hà Ngọc T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số D, Đường C, Tổ B, Khóm B, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Quốc H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số D, Đường C, Tổ B, Khóm B, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Hà Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc H chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng có nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hà Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 và Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011. Con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003; hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 hiện nay đang sống chung với chị T; sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Hồng N, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hồng N.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:

Anh thống nhất với chị Hà Ngọc T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và thống nhất ly hôn với chị Hà Ngọc T.

Về con chung, anh và chị T có 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 và Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011. Con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 hiện nay đang sống chung với chị T, sau khi ly hôn anh thống nhất giao con chung Trần Hồng N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hồng N.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Hà Ngọc T yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Quốc H, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn,

nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Trần Quốc H có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H chung sống với nhau trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị T và anh H không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H có hai con chung là Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 và Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011. Con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 hiện nay đang sống chung với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Hồng N, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hồng N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H thống nhất lời trình bày của chị T về hai con chung. Anh và chị T có 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 và Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011. Con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 hiện nay đang sống chung với chị T, sau khi ly hôn anh thống nhất giao con chung Trần Hồng N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hồng N.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011, từ khi chị T và anh H không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị T ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: **Chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.**

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Ngọc T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H là vợ chồng.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Ngọc T. Chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H có hai con chung là Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 và Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011. Con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 25/10/2003 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H ly hôn, giao con chung Trần Hồng N, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Hà Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung Trần Hồng N đang sống cùng chị T tại phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: **Chị Hà Ngọc T và anh Trần Quốc H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.**

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000224 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Hà Ngọc T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con.

Anh Trần Quốc H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Thảo